

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Duy Dương

2. Ông Nguyễn Hữu Nhạc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2018 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đình Minh T**, sinh năm 1973, Quốc tịch: Mỹ

Số Hộ chiếu: 04565xxxx cấp ngày xx/xx/1996 tại USA.

Địa chỉ: GWW, VA 22xxx-2xxx, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để nhận các văn bản tố tụng: Bà **Đình Thị Dạ N**, sinh năm 1972 – Địa chỉ: xxx TKH, kp4, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy ủy quyền ngày xx/x/2018.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Lê Tuyết V**, sinh năm 1986

Địa chỉ: đường L, phường P, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai đề ngày 27/03/2018 làm tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận có xác nhận của Thẩm phán tổ Hành chính tư pháp - Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, nguyên đơn ông Đình Minh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Lê Tuyết V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số xx ngày 15/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chưa chung sống với nhau ngày nào thì ông phải quay về Mỹ, vợ chồng thỏa thuận ông sẽ bảo lãnh bà V sang Mỹ để vợ chồng ổn định cuộc sống. Sau khi ông sang Mỹ, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, email nhưng thời gian sau thì ít liên lạc do nảy sinh mâu thuẫn vì khác biệt quan điểm sống. Do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có thời gian gần gũi để hàn gắn. Sau đó vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, mỗi người một nơi và đều có cuộc sống riêng. Nhận thấy mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Lê Tuyết V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ của vợ chồng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 27/3/2018, ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án vì ông phải điều kiện công việc phải về lại Mỹ nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án; Ông ủy quyền cho bà Đinh Thị Dạ N, sinh năm 1973, địa chỉ, xxx TKH, kp4, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nhận các văn bản tố tụng từ Tòa án thay ông.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2018 bị đơn bà Nguyễn Lê Tuyết V trình bày:

Bà và ông Đinh Minh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số xx ngày 15/02/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chưa chung sống với nhau ngày nào thì ông Đinh Minh T phải quay về Mỹ do hết thời hạn cư trú tại Việt Nam. Vợ chồng dự định ông Tâm sẽ bảo lãnh bà sang Mỹ để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi ông T về Mỹ, thời gian đầu vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại, sau đó giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do ở xa nhau nên không có điều kiện hàn gắn dẫn đến không còn liên lạc với nhau nữa. Nay ông Đinh Minh T yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn “*Xin ly hôn vắng mặt*” đề ngày 17/8/2018, bà Nguyễn Lê Tuyết V yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt vì lý do công việc.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên, bị đơn đều vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật, việc xin ly hôn của nguyên

đơn Đinh Minh T là có căn cứ và có lý do chính đáng để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Đinh Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết việc ly hôn với bị đơn Nguyễn Lê Tuyết V, nguyên đơn đang định cư ở nước ngoài. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại “*Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án*” đề ngày 27/03/2018 của ông Đinh Minh T, và “*Đơn xin ly hôn vắng mặt*” đề ngày 17/8/2018 của bà Nguyễn Lê Tuyết V, các đương sự đều yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy yêu cầu của ông T, bà V là phù hợp pháp luật nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Do ông Đinh Minh T và bà Nguyễn Lê Tuyết V đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Về nội dung:

Ông Đinh Minh T và bà Nguyễn Lê Tuyết V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số xx ngày 15/02/2017 và không vi phạm quy định cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mặc dù, ông Đinh Minh T và bà Nguyễn Lê Tuyết V đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng thời gian gần gũi nhau không nhiều nên tình cảm chưa thật sự gắn bó. Sau khi kết hôn, ông Đinh Minh T sinh sống tại Mỹ, bà Nguyễn Lê Tuyết V sinh sống ở Việt Nam, do khoảng cách địa lý, vợ chồng không chung sống, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống nên dẫn đến mâu thuẫn bất hòa; vợ chồng đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau nên mục đích kết hôn không đạt được. Ông Đinh Minh T yêu cầu ly hôn và đã được bà Nguyễn Lê Tuyết V đồng ý là phù hợp pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí sơ thẩm: Ông Đinh Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh T: Ông Đinh Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Lê Tuyết V.

2. Về Án phí: Ông Đinh Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021031 ngày 04/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông Đinh Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa